

CHƯƠNG 13

अयं संराधितो नन्दः श्रद्धां प्रति महर्षिणा ।

परिषिक्तोऽमृतेनेव युयुजे परया मुदा ॥ १ ॥

Giờ đây, Nanda đã đặt trọn vẹn niềm tin hướng về bậc Đại Ấn-sĩ và đã đạt được niềm hoan hỷ tột cùng, y như đã được tưới mát bởi giếng nước thánh bất tử. (1)

कृतार्थमिव तं मेने संबुद्धः श्रद्धया तया ।

मेने प्राप्तमिव श्रेयः स च बुद्धेन संस्कृतः ॥ २ ॥

Đấng Toàn Giác biết rằng Nanda đạt được niềm tin như thế có thể xem như chàng đã có một mục đích để tu tập. Còn Nanda, khi được Đức Phật ban lời giáo huấn, nghĩ rằng chàng dường như đã thành tựu được mục đích cao quý. (2)

शृण्वेन वचसा काश्चित्काश्चित्पुरुषया मिरा ।

काश्चिदाभ्यामुपायाभ्यां स विनिन्ये विनायकः ॥ ३ ॥

Đấng Tôn-sư ấy đã khuyên bảo một số đệ tử bằng lời nói dịu dàng, một số khác bằng lời quở trách, còn một số khác nữa bằng cả hai phương thức ấy. (3)

पांसुभ्यः काश्चन जातं विशुद्धं निर्मलं शुचि ।

स्थितं पांसुष्वपि यथा पांसुदोषैर्न लिप्यते ॥ ४ ॥

Vàng ròng tuy được sản xuất từ đất quặng, nhưng tinh khiết, không lẫn bụi, và sáng ngời. Như vậy, mặc dầu ở xen kẽ trong đất nhưng vàng không bị trộn lẫn với sự dơ bẩn của đất. (4)

पद्मपर्णं यथा चैव जले जातं जले स्थितं ।

उपरिष्ठादधस्ताद्वा न जलेनोपलिप्यते ॥ ५ ॥

Và cũng tương tự như lá sen, được sanh ở trong nước, phát triển ở trong nước, cho dầu nằm ở trên mặt nước hoặc chìm ở phía dưới, nhưng cũng không bị ướt đẫm bởi nước. (5)

तद्ब्रह्मोके मुनिर्जातो लोकस्यानुग्रहं चरन् ।

कृतित्वाभिर्मलत्वाच्च लिङ्गधर्मेर्न लिप्यते ॥ ६ ॥

Cũng như thế ấy, Đức Phật, dầu sanh trường ở trong thế gian, hành xử thuận theo thế gian, nhưng không ô nhiễm bởi pháp thế gian do bởi sứ mệnh và bản tánh không ô nhiễm của Ngài. (6)

श्लेषं त्यागं प्रियं रुद्धं कथां च ध्यानमेव च ।

मन्तुकाले चिकित्सार्थं चक्रे नात्मानुवृत्तये ॥ ७ ॥

Trong lúc khuyên bảo, Đức Phật đã áp dụng sự thân cận hoặc lánh xa, sự dịu dàng hoặc nghiêm khắc, sự thuật lại các câu chuyện, hoặc trạng thái tâm tự nhiên định, không phải vì ý thích cá nhân mà nhằm mục đích tế độ chúng sanh. (7)

अतश्च संदधे कार्यं महाकरुणया तया ।

मोक्षयेयं कथं दुःखात्सत्त्वानीत्यनुकम्पकः ॥ ८ ॥

Là người có sự trắc ẩn và lòng bi mẫn vĩ đại, Ngài đã nghĩ rằng: "Làm thế nào để ta có thể giúp cho chúng sanh giải thoát khỏi khổ đau ? " Do đó, Ngài đã hạ sanh trong thân xác này. (8)

अथ संहर्षणान्नन्दं विदित्वा भाजनीकृतं ।

अब्रवीद्भूवतां श्रेष्ठः कमज्ञः श्रेयसां कर्म ॥ ९ ॥

Giờ đây, biết rằng Nanda đã sẵn sàng để tiếp nhận lời giảng huấn nhờ vào nội tâm đang được phấn chấn, Ngài, là bậc Tối Thượng trong các vị thuyết giảng và là người biết cách trình bày theo thứ lớp, đã giảng giải cho Nanda tình tự của Chân-lý tối thượng: (9)

अतःप्रभृति भूयस्त्वं श्रेष्ठेन्द्रियपुरःसरः ।

अमृतस्याप्तये सौम्य वृत्तं रक्षितुमर्हसि ॥ १० ॥

- "Này đệ thân, kể từ này về sau, cùng với sự củng cố về năng lực của đức tin cho được gia tăng một cách liên tục, đệ còn phải bảo vệ các sở hành nhằm mục đích thành tựu sự Bất-tử." (10)

प्रयोगः कायवचसोः शुद्ध भवति ते यथा ।

उत्तानो विवृतो गुप्तोऽनवच्छिद्रस्तथा कुरु ॥ ११ ॥

"Bằng những phương thức nào mà việc sử dụng thân và khẩu được thanh tịnh, có sự cởi mở, không giấu diếm, được cẩn trọng, và không có lỗi lầm, thì đệ hãy hành động theo như thế ấy." (11)

उत्तानो भावकरणाद्विवृतश्चाप्यगूहनात् ।

गुप्तो रक्षणतात्पर्यादच्छिद्रश्चानवद्यतः ॥ १२ ॥

"Cởi mở phát xuất từ hành động của bản thân, đồng thời không giấu diếm nhờ vào sự không che đậy, cẩn trọng nhờ vào sự nỗ lực cá nhân trong việc hộ trì các giác quan, đồng thời không có lỗi lầm nhờ vào việc không phạm khuyết điểm." (12)

शरीरवचसोः शुद्धौ सप्ताङ्गे चापि कर्मणि ।

आजीवसमुदाचारं शौचात्संस्कृतुंमर्हसि ॥ १३ ॥

"Đệ cần phải trau dồi sự thực hành nuôi mạng cho được trong sạch, đồng thời phải rèn luyện các hành động theo đúng bảy điều thanh tịnh* có liên quan đến thân và khẩu." (13)

दोषानां कुहनादीनां पञ्चानामनियेषणात् ।

त्यागाच्च ज्योतिषादीनां चतुर्णां वृत्तिघातिनां ॥ १४ ॥

"Không thực hành năm điều tội lỗi* như là đạo đức giả, v.v... và từ bỏ bốn điều làm tiêu hoại đức hạnh* như là chiếm lĩnh học, v.v..." (14)

प्राणिधान्यधनादीनां वर्ज्यानामप्रतिग्रहात् ।

भैक्षज्ञानां निसृष्टानां नियतानां प्रतिग्रहात् ॥ १५ ॥

"Khởi đầu bằng việc không chấp thủ những gì cần được dứt bỏ như là cái mạng sống này, sự giàu sang, các loại tài sản, v.v...đồng thời tuân thủ những điều giới luật và các nguyên tắc đã được ấn định có liên quan đến đồ ăn khát thực. " (15)

परितुष्टः शुचिर्मधुक्षय्या जीवसंपदा ।

कुर्यां दुःखप्रतीकारं यावदेव विमुक्तये ॥ १९ ॥

"Biết tự hài lòng, mềm mỏng trước sự công kích, thành tựu việc nuôi mạng cho được trong sạch, để còn nên thực hành sự kham nhẫn với những nỗi khổ đau cho đến khi nào thành đạt sự giải thoát." (16)

कर्मणो हि यथादृष्टात्कायवाक्प्रभवादपि ।

आजीवः पृथगेवोक्तो दुःशोधत्वादयं मया ॥ १७ ॥

"Về cái mạng sống này, đã được ta giảng giải một cách rõ ràng, chỉ vì tính chất khó khăn trong việc làm cho được trong sạch những hành động phát xuất từ thân và khẩu như đã thấy." (17)

गृहस्थेन हि दुःशोधा रटिर्विविधरटिना ।

आजीवो भिक्षुणा चैव परेष्वपत्तवृत्तिन ॥ १८ ॥

"Bởi vì, đối với người tại gia, việc có được một tri kiến thanh tịnh rất là khó khăn vì phải tiếp xúc với vô số quan điểm, còn đối với vị tỷ khưu có được sự nuôi mạng chân chánh cũng khó khăn, vì sự sinh tồn phụ thuộc vào lòng tự nguyện của người khác." (18)

एतावच्छीलमित्युमाचारोऽयं समासतः ।

अस्य नाशेन नैव स्यात्प्रव्रज्या न गृहस्थता ॥ १९ ॥

"Nói về giới luật chỉ có bấy nhiêu và đó là phương thức thực hành một cách tổng quát. Nhưng nếu việc ấy bị hư hỏng, thì không thể nào thành tựu việc xuất gia hoặc tồn tại trong cuộc sống tại gia." (19)

तस्माच्चारित्रसंपन्नो ब्रह्मचर्यमिदं चर ।

अणुमात्रेष्वप्येषु भयदर्शी दृढव्रतः ॥ २० ॥

“Do đó, khi đã quen thuộc với phương pháp thực hành, lời nguyện đã được giữ vững, và biết sợ hãi trong sự chế trách cho dù là nhỏ nhất, để hãy cố gắng theo đuổi cuộc đời phạm hạnh.” (20)

शीलमास्थाय वर्तन्ते सर्वा हि श्रेयसि क्रियाः ।

स्थानाद्यानीव कार्याणि प्रतिष्ठाय वसुन्धरां ॥ २१ ॥

“Bởi vì, một khi đã nương tựa vào giới luật rồi thì tất cả mọi sở hành đều xoay vần trong sự tốt đẹp; cũng tương tự như khi đã trụ vững ở trên một đất rồi, thì mọi hành động của cơ thể như đứng, v.v....mới có thể thực hiện được.” (21)

मोक्षस्योपनिषत्सौम्य वैराग्यमिति गृह्यतां ।

वैराग्यस्यापि सविदो ज्ञानदर्शनं ॥ २२ ॥

“Này đệ thân, điều cần ghi nhớ là: Nền tảng của sự giải thoát là sự không ràng buộc bởi thế gian, nền tảng của sự không ràng buộc bởi thế gian là sự giác ngộ viên mãn, nền tảng của sự giác ngộ viên mãn là sự nhận thức được chân lý.” (22)

ज्ञानस्योपनिषच्चैव समाधिरुपधार्यतां ।

समाधेरप्युपनिषत्सुखं शरीरमानसं ॥ २३ ॥

“Và điều cần nhận thức là: Nền tảng của trí tuệ chính là thiền định, và nền tảng của thiền định chính là sự an lạc của thân và tâm.” (23)

प्रश्नब्धिः कायमनसः सुखस्योपनिषत्परा ।

प्रश्नच्येऽप्युपनिषत्प्रीतिरप्यवगम्यतां ॥ २४ ॥

"Điều cần được hiểu rõ là: Nền tảng của sự an lạc của thân và tâm là sự tinh khiết tuyệt đối, nền tảng của sự tinh khiết tuyệt đối là sự phi lạc ở nội tâm." (24)

तथा प्रीतिरुपनिषत्प्रामोद्य परमं मतं ।

प्रामोद्यस्याप्यहृद्धेयः कुक्कुलेष्वकृतेषु वा ॥ २५ ॥

"Tuông tợ như thế, sự phi lạc của nội tâm đặt nền tảng ở tâm có sự hoan hỷ tuyệt đối; và để thành tựu sự hoan hỷ tuyệt đối ấy, không thể có sự hối tiếc về các tội lỗi đã làm hoặc các việc lành còn chưa thực hiện." (25)

अविलेखस्य मनसः शीलं तूपनिषच्छुचि ।

अतः शीलं नयत्ययमिति शीलं विशोधय ॥ २६ ॥

"Nhưng nền tảng của cái tâm không có hối tiếc ấy là giới luật được thanh tịnh. Do đó, để hãy gìn giữ giới luật cho được trong sạch, bởi vì giới luật đưa đến sự cao thượng tuyệt đối." (26)

शीलनाच्छीलमित्युक्तं शीलनं सेवनादपि ।

सेवनं तन्निदेशाच्च निदेशश्च तदाश्रयात् ॥ २७ ॥

"Điều cần nói thêm là: Giới hạnh bắt nguồn từ sự tự tại trong giới luật, đồng thời sự tự tại trong giới luật bắt nguồn từ sự chuyên chú thực hành giới luật, và sự chuyên chú thực hành giới luật bắt nguồn từ sự quán triệt về giới luật, và sự quán triệt về giới luật ấy bắt nguồn từ sự nương tựa vào giới luật." (27)

शीलं हि शरणं सौम्य कान्तार इव देशिकः ।

मित्रं बन्धुश्च रक्षा च धनं च बलमेव च ॥ २८ ॥

"Này đệ thân, bởi vì giới luật là nơi nương nhờ, là kim chỉ nam dẫn lối trong rừng thẳm, là bạn hữu, là thần quyền, là sự bảo vệ, là tài sản, và còn là sức mạnh nữa." (28)

यतः शीलमतः सौम्य शीलं संस्कर्तुमर्हसि ।

एतत्स्थानमथानन्यं च मोक्षारम्भेषु योगिनां ॥ २९ ॥

"Bởi vì 'Giới hạnh chính là như thế!' cho nên, này đệ thân, hãy hoàn thiện về giới luật. Như vậy, giới luật là căn cứ địa độc nhất của các hành giả trong việc khởi sự tiến trình giải thoát." (29)

ततः स्मृतिमधिष्ठाय चपलानि स्वभावतः ।

इन्द्रियाणीन्द्रियार्थेभ्यो निवारयितुमर्हसि ॥ ३० ॥

"Sau khi đã có sự tu tập về sự ghi nhận (niệm), đệ hãy nên thu thúc các giác quan (năm căn) tránh xa các đối tượng (năm cảnh) của chúng; bởi vì sự chao động của các giác quan được sanh lên bắt nguồn từ bản chất tự nhiên của chúng." (30)

भेतव्यं न तथा शत्रोऽग्निनिहिर्न चाशनेः ।

इन्द्रियेभ्यो यथा स्वेभ्यस्तैरजस्रं हि हन्यते ॥ ३१ ॥

"Một người chớ nên sợ hãi kẻ thù, hỏa hoạn, rắn độc, hay sấm sét, mà hãy sợ hãi các giác quan của chính bản thân mình; bởi vì chúng luôn luôn đe dọa và hăm dọa, khó ngăn ngừa được." (31)

द्विषद्भिः शत्रुभिः कश्चित्कदाचित्पीड्यते न वा ।

इन्द्रियैर्वाच्यते सर्वः सर्वत्र च सदैव च ॥ ३२ ॥

"Không phải bất cứ lúc nào và không phải bất cứ ai cũng có thể bị hãm hại bởi những kẻ thù đang tranh chấp; nhưng các giác quan này lại có thể tác hại đến bất cứ ai, cho dù họ đang ở bất cứ nơi đâu, thậm chí vào bất cứ thời gian nào." (32)

न च प्रयाति नरकं शत्रुप्रभृतिभिर्हतः ।

कृष्यते तत्र निग्नस्तु चपलैरिन्द्रियैर्हतः ॥ ३३ ॥

"Và một người bị giết hại bởi sự ra tay của những kẻ thù khác không hẳn phải bị đọa vào địa ngục, nhưng khi bị chi phối bởi các giác quan luôn chao động này, thì lúc từ trần, sẽ bị kéo lỏi vào cõi khổ." (33)

हन्यमानस्य तैर्दुःखं हार्दं भवति वा न वा ।

इन्द्रियैर्वाच्यमानस्य हार्दं शरीरमेव च ॥ ३४ ॥

"Đối với trường hợp bị hãm hại bởi kẻ thù, thì sự khổ sở về tinh thần có thể có hoặc không có; nhưng trong trường hợp bị các giác quan hành hạ, thì sự khổ đau không những là tinh thần mà còn là thể xác nữa." (34)

संकल्पविषदिग्धा हि पञ्चेन्द्रियमयाः शराः ।

चिन्तापुङ्खा रतिफला विषयाकाशगोचराः ॥ ३५ ॥

"Bởi vì những mũi tên tạo nên bởi năm giác quan này được tẩm độc là lòng khao khát, với đuôi tên là ý định của tâm, đích nhắm bắn là sự khoái lạc, và khoảng không gian tên bay là đối tượng của giác quan." (35)

मनुष्यहरिणान् भ्रन्ति कामव्याधेरिता इति ।

विहन्यन्ते यदि न ते ततः पतन्ति तैः क्षताः ॥ ३६ ॥

“Những mũi tên ấy nhắm ngay trái tim, được bắn ra bởi người thợ săn tức là ái dục, và giết hại thú rừng tức là nhân loại. Nếu loài người hoặc con thú không bị giết chết bởi những mũi tên ấy, thì cũng bị té nhào và mang thương tích.” (36)

नियमाजिरसस्येन धैर्यकामुकधारिणा ।

निपतन्तो निवार्यास्ते महता स्मृतिवर्मणा ॥ ३७ ॥

“Nhưng những mũi tên ấy đều bị chặn đứng và bị rơi xuống bởi một người lực lưỡng đang đứng vững trên một đất là sự tu tập, có áo giáp là sự ghi nhớ (niệm), và có cung cầm ở tay là lòng kiên định.” (37)

इन्द्रियाणामुपशमादरीणां निग्रहादिव ।

सुखं स्वपिति वास्ते वा यत्र तत्र गतोद्भवः ॥ ३८ ॥

“Người mà các giác quan đã được thanh tịnh được ví như đã thoát khỏi sự kềm kẹp của kẻ thù vì các sự lo âu không còn nữa; vị ấy có thể nằm ngủ hoặc sinh sống ở bất cứ nơi đâu một cách thanh thản.” (38)

तेषां हि सततं लोके विषयानभिकाक्षतां ।

संविन्नैवास्ति कार्पण्याच्छुनामाशावतामिव ॥ ३९ ॥

“Bởi vì, giống như loài chó luôn có sự mong chờ được ăn, đối với những kẻ luôn khao khát vật chất ở thế gian thì không thể nào thành tựu được trí tuệ do sự nghèo nàn của tinh thần.” (39)

विषयैरिन्द्रियग्रामो न तृप्तिमधिगच्छति ।

अजस्रं पूर्यमाणोऽपि समुद्रः सलिलैरिव ॥ ४० ॥

"Mặc dầu các giác quan luôn luôn được tạo điều kiện để tiếp xúc với các đối tượng (cảnh), nhưng sự thỏa mãn của các giác quan không bao giờ thỏa mãn được, tương tự như các dòng nước không thể nào làm tràn ngập đại dương." (40)

अवश्यं गोचरे स्वे स्वे वर्तितव्यमिहेन्द्रियैः ।

निमित्तं तत्र न ग्रह्यमतुव्यञ्जनमेव च ॥ ४१ ॥

"Điều cần thiết là các giác quan chỉ nên được xử dụng trong phạm vi riêng biệt của chính bản thân chúng; và trong trường hợp này, chớ nên ghi nhận bất cứ đặc tính phụ thuộc nào của đối tượng." (41)

आलोक्य चक्षुषा रूपं धातुमात्रे व्यवस्थितः

स्त्री वेति पुरुषो वेति न कल्पयितुमर्हसि ॥ ४२ ॥

"Khi mắt nhìn thấy cảnh sắc, đề chỉ nên ghi nhận yếu tố vật chất căn bản và chớ có nên suy xét sâu xa hơn nữa, ví dụ như việc ghi nhận: 'Đây là đàn bà' hoặc 'Đây là đàn ông'." (42)

स चेत्स्त्रीपुरुषग्राहः क्वचिद्विद्येत कश्चन ।

शुभतः केशदन्तादीन्नानुप्रस्थातुमर्हसि ॥ ४३ ॥

"Cho dù ở bất cứ nơi nào và đối tượng là ai chẳng nữa, nếu sự ghi nhận là đàn bà hay đàn ông đã được biết đến, thì đề chớ nên ghi nhận thêm gì nữa về tóc, răng, v.v...như việc chúng có vẻ lấp lánh chẳng hạn." (43)

नापनेयं ततः किञ्चित्प्रक्षेप्य नापि किञ्चन ।

द्रष्टव्यं भूततो भूतं यादृशं च यथा च यत् ॥ ४४ ॥

“Như thế, cũng không nên bỏ đi bất cứ điều gì, đồng thời cũng không nên cộng thêm bất cứ điều gì. Sự vật từ trong bản chất của chúng được thể hiện ra như thế nào, thì cứ như thế ấy mà ghi nhận.” (44)

एवं ते पश्यतस्तत्त्वं शब्ददिन्द्रियगोचरे ।

भविष्यति पदस्थानं नाभिध्यादौर्मनस्ययोः ॥ ४५ ॥

“Theo phương thức này, nếu đề liên tục quán sát bản thể thật sự trên các đối tượng được thấu nhận bởi các giác quan, đề sẽ nhận thấy rằng không có chút gì dấu vết của lòng khao khát (tham) hay sự ghét bỏ (sân) hiện diện ở sự ghi nhận ấy.” (45)

अभिध्या प्रियरूपेण हन्ति कामात्मकं जगत् ।

अरिर्भिन्नमुत्सेनेव प्रियवक्त्रुषाशयः ॥ ४६ ॥

“Ở thế gian này, lòng khao khát che khuất bản chất tự nhiên của tham ái bằng một hình thức tốt đẹp ở bên ngoài; tương tự như một kẻ thù vờ vẻ mặt thân thiện và lời nói tử hòa, nhưng nham hiểm ở trong lòng.” (46)

दौर्मनस्याभिधानस्तु प्रतिघो विषयाश्रितः ।

मोहाद्येनानुवृत्तेन परत्रेह च हन्यते ॥ ४७ ॥

“Và sự hủy diệt (sân) nhắm đến các đối tượng của giác quan, được gọi tên là tâm bất thiện có gốc là sự mê muội (sì), sẽ hành hạ kẻ nào bị lôi cuốn theo chiều hướng ấy ngay ở đời này và các đời sau nữa.” (47)

अनुरोधविरोधाभ्यां शीलोष्णाभ्यामिवादितः ।

शर्म नास्तीति न श्रेयश्चलेन्द्रियमनो जगत् ॥ ४८ ॥

“Một kẻ khi bị giằng co bởi ý định thích hoặc không thích được ví như người đang bị khổ sở vì lạnh và nóng vậy. Ở thế gian này, kẻ có giác quan bị chao động thì không thể nào thành tựu được sự thánh thiện và chân lý tối thượng.” (48)

नेन्द्रियं विषये तावत्प्रवृत्तमपि सज्जते ।

यावन्न मनसस्तत्र परिकल्पः प्रवर्तते ॥ ४९ ॥

“Cho đến khi nào ý định suy xét về các đối tượng chưa xảy ra ở trong tâm, thì cho đến khi ấy giác quan (căn) vẫn chưa có sự bám víu vào đối tượng (cảnh), mặc dầu đã có sự ghi nhận ở trên đối tượng (cảnh) ấy.” (49)

इन्धने सति वायौ च यथा ज्वलति पायकः ।

विषयात्परिकलाच्च क्लेशमिर्जायते तथा ॥ ५० ॥

“Giống như ngọn lửa sẽ bùng cháy lên khi củi và ngọn gió đồng thời hiện diện; cũng như thế ấy, ngọn lửa phiền não sẽ sanh khởi do sự hiện diện của các đối tượng của giác quan và ý định suy xét của tâm trên các đối tượng ấy.” (50)

अभूतपरिकल्पेन विषयस्य हि वध्यते ।

तमेव विषयं पश्यन् भूततः परिमुच्यते ॥ ५१ ॥

“Bởi vì ý định suy xét ấy chỉ liên quan đến cái giả tượng ở bên ngoài chứ không phải là bản chất thực sự của

đối tượng, vì thế con người mới bị trôi buột. Chỉ khi nào nhận thức được bản thể thật sự của chính đối tượng, thì người ấy mới được hoàn toàn giải thoát.” (51)

दृष्ट्वैकं रूपमन्यो हि रज्यतेऽन्यः प्रदुष्यति ।

कश्चिद्भवति मध्यस्थस्तत्रैवान्यो घृणायते ॥ ५२ ॥

“Bởi vì khi nhìn một vật thể, có người đem lòng ưa thích, có người lại không thích, một người khác thì có được trạng thái dửng dưng, nhưng cũng ở trong trường hợp này, có người lại sanh tâm nhàm ghét.” (52)

अतो न विषयो हेतुर्बन्धाय न विमुक्तये ।

परिकल्पविशेषेण संगो भवति वा न वा ॥ ५३ ॥

“Do đó, đối tượng của giác quan (cảnh) không phải là nguyên nhân sanh lên sự vướng bận hoặc sự tự do không bị ràng buộc; mà chính sự bám víu vào ý định suy xét hay phân biệt mới là nguyên nhân để sanh khởi, hay không sanh khởi, của các trạng thái đó.” (53)

कार्यः परमयत्नेन तस्मादिन्द्रियसंवरः ।

इन्द्रियाणि ह्यगुप्तानि दुःस्वाय च भवाय च ॥ ५४ ॥

“Như vậy, việc cần phải thực hành là việc kiểm soát các giác quan với sự nỗ lực tối đa; bởi vì các giác quan không được phòng hộ sẽ đưa đến khổ đau và sự tái sanh nữa.” (54)

तस्मादेवामकुशलकराणामरीणां

चक्षुर्घ्राणश्चवगसरसनस्पर्शनानां ।

सर्वावस्थं भव विनियमादप्रमत्तो

मास्मिन्नर्थे क्षणमपि कृथास्त्वं प्रमादं ॥ ५५ ॥

"Do đó, đệ hãy cẩn trọng trong việc hạn chế tất cả các điều kiện của những kẻ thù tức là sự nhìn, sự ngửi, sự nghe, sự nắm, sự xúc chạm chính là nguyên nhân sanh lên những điều không tốt đẹp. Liên quan đến mục đích này, đệ chớ có lơ đãng cho dù chỉ trong một khoảnh khắc." (55)

सौन्दरनन्दे महाकाव्ये शीलेन्द्रियजयो नाम त्रयोदशः सर्गः ।

Chương thứ mười ba "Giới và sự chế ngự giác quan"
của bộ trường thi "Saundarananda"